

LIÊN KẾT HỢP TÁC ĐỂ TIÊU VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG¹

Nguyễn Ngọc Trân²

Chủ đề hội thảo hôm nay là “Liên kết hợp tác phát triển nông nghiệp tiêu vùng Đồng Tháp Mười”. Nội dung chúng tôi sẽ đề cập trong bài tham luận này rộng hơn: *Liên kết hợp tác để tiêu vùng Đồng Tháp Mười phát triển bền vững*.

Đồng Tháp Mười, về mặt môi trường vật lý, là một *đồng lũ kín*. Đồng lũ này là kết quả của quá trình tương tác *địa mạo – thủy văn – thổ nhưỡng* trong khoảng 6000 năm qua³.

Đồng Tháp Mười bao gồm phần lớn diện tích của ba tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang. Không có các huyện giữa sông Tiền sông Hậu của Đồng Tháp, không bao gồm vùng hạ của Long An và cũng không có các huyện và thị xã phía Đông của Tiền Giang.

Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc sử dụng nguồn nước sông Mekong trên thương nguồn trong những thập niên gần đây, cùng với *toàn cầu hóa kinh tế* càng làm cho sự liên kết hợp tác trong phát triển nói chung, nông nghiệp nói riêng, ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó có tiêu vùng Đồng Tháp Mười (ĐTM), đã *tất yếu* càng trở nên *bức thiết* hơn bao giờ.

I. CÁC THÁCH THỨC HIỆN NAY ĐỐI VỚI ĐBSCL VÀ ĐỒNG THÁP MƯỜI

ĐBSCL đang đối mặt với *hai thách thức toàn cầu, một thách thức khu vực và thách thức tại địa bàn*.

Các thách thức toàn cầu, khu vực và tại địa bàn không tác động riêng lẻ mà *cùng nhau và liên hoàn tác động*, nhân lên hậu quả của các tác hại, là thách thức tổng hợp đối với sự phát triển bền vững của đồng bằng.

Thách thức toàn cầu, đó là *biến đổi khí hậu, nước biển dâng (BĐKH)*, và *toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập quốc tế*.

El Nino 2016, hạn hán, xâm nhập mặn, đường bờ biển ở cả hai phía Đông và Tây bị xâm thực, thêm một lần nữa cho thấy BĐKH đã là một thực tế ở đồng bằng, một trong ba châu thổ lớn của thế giới bị uy hiếp nghiêm trọng nhất.

¹ Tham luận tại Hội thảo khoa học *Liên kết hợp tác phát triển nông nghiệp tiêu vùng Đồng Tháp Mười*, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tại Long An, ngày 30.08.2016.

² Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Kỹ thuật nhà nước (1980 -1992), nguyên Chủ nhiệm Chương trình khoa học cấp nhà nước 60-B, “*Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long*” (1983-1990), Đại biểu Quốc hội các khóa IX, X, XI.

³ Trần Kim Thạch †, *Môi trường vật lý đồng bằng sông Cửu Long*, trong “*Đồng bằng sông Cửu Long, Tài nguyên - Môi trường – Phát triển*”, báo cáo tổng hợp của Chương trình 60-B, “*Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long*”, Nguyễn Ngọc Trân chủ biên, Ủy Ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, Hà Nội 03.1991.

Trong bối cảnh bị đe dọa như vậy, thách thức từ hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế buộc nền kinh tế đồng bằng phải có *sức cạnh tranh cao hơn* và phải có *chỗ đứng trong chuỗi giá trị toàn cầu* trong khi nền kinh tế thế giới khôi phục chậm và hàm chứa những yếu tố bất ổn không lường trước được.

Thách thức khu vực đó là việc *khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn* châu thổ, trong đó có việc *chuyển nước* (trong lưu vực và ra ngoài lưu vực), và nhất là việc *khai thác thủy điện* trên dòng chính sông Mekong từ cao nguyên Tây tạng trở xuống, trong khi nhu cầu về nước trong lưu vực ngày càng tăng.

Trong lúc Trung Quốc đang tích cực hoàn thành 14 đập thủy điện trên sông Lancang vào năm 2020 thì ở hạ lưu vực đã bắt đầu việc xây dựng 11 đập thủy điện trên dòng chính (Xayaburi, Don Sahong và sắp tới Pakbeng). Thái Lan thì có hai dự án chuyển nước từ sông Mekong là Kok-Ing-Yon-Nan và Kong-Chi-Mun,

Các đập thủy điện biến dòng chảy liên tục theo trọng lực thành một chuỗi đập, thay đổi sinh thái thủy văn trong lưu vực, giữ lại một lượng nước và trầm tích quan trọng trong các lòng hồ.

Hệ lụy là nguồn nước sông Mekong chảy về đồng bằng và lượng phù sa mà nó chuyển tải đã và sẽ ngày càng giảm, làm thay đổi địa mạo lòng sông, cửa biển và đường bờ biển, đe dọa chính sự tồn tại của đồng bằng.

Đó là những thách thức lớn đối với đồng bằng, tác động tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học, sản xuất, đời sống của cư dân, và đặt đồng bằng trước nguy cơ lún chìm và bị xâm thực.

Là một tiểu vùng và nằm ở đầu nguồn của ĐBSCL, Đồng Tháp Mười cũng phải đối diện với các thách thức toàn cầu và khu vực.

Cho tới cuối thế kỷ trước, lũ về Đồng Tháp Mười qua tràn bờ sông Tiền và tràn đồng từ phía Campuchia. Nguồn lũ đầu mang nhiều phù sa. Nguồn lũ thứ hai không còn phù sa vì đã lắng đọng ở trên đất Campuchia được gọi là nước “cỏ”. Hai nguồn này gặp nhau, tạo nên “sông lũ” cản trở phù sa vào sâu hơn trong Đồng Tháp Mười từ phía Tây.

Như đã nói trên, lũ sẽ về ngày càng ít, phù sa cũng vậy⁴. Mặt khác, việc mở rộng hệ thống thủy nông trên đất Campuchia đã làm giảm lượng nước tràn đồng. Việc nâng cao đường Xuyên Á AH1 vượt lũ năm 2000 mặt khác đã cản bớt lượng lũ tràn đồng. Mùa nước nổi sẽ không còn sâu và mênh mông như trước là những thay đổi thấy trước đối với Đồng Tháp Mười.

Thách thức tại địa bàn, đó là việc *khai thác tài nguyên* (rừng ngập mặn, rừng tràm, cát sông, cát ven bờ biển, nước ngầm, tài nguyên đất, tài nguyên nước, ...) hầu như không quản lý được.

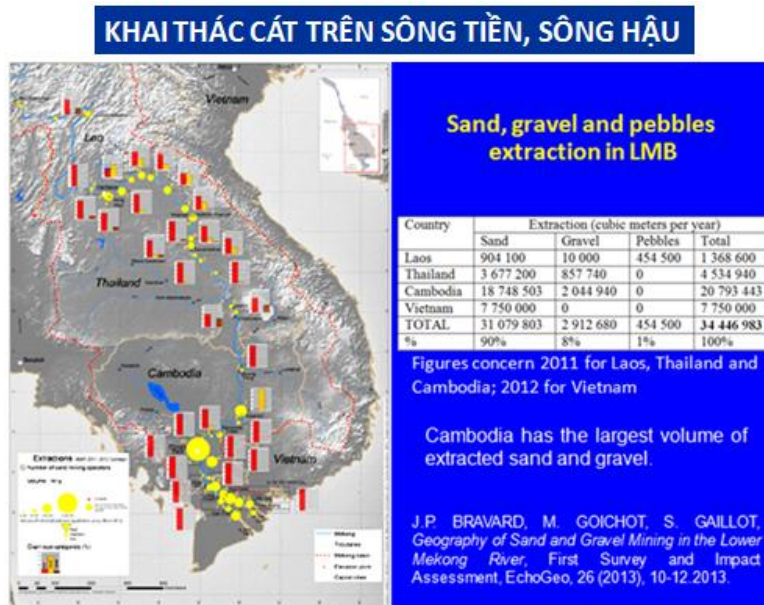
Việc lạm thác tài nguyên xuất phát từ *mô hình phát triển* nói chung, nông nghiệp nói riêng, ở đồng bằng tiếp tục thiên về chiều rộng, chậm đi vào chiều sâu, thiên về số lượng hơn chất lượng.

⁴ Về lũ còn có số liệu, nhưng về phù sa thì hầu như không có số liệu vì thiếu các trạm đo!

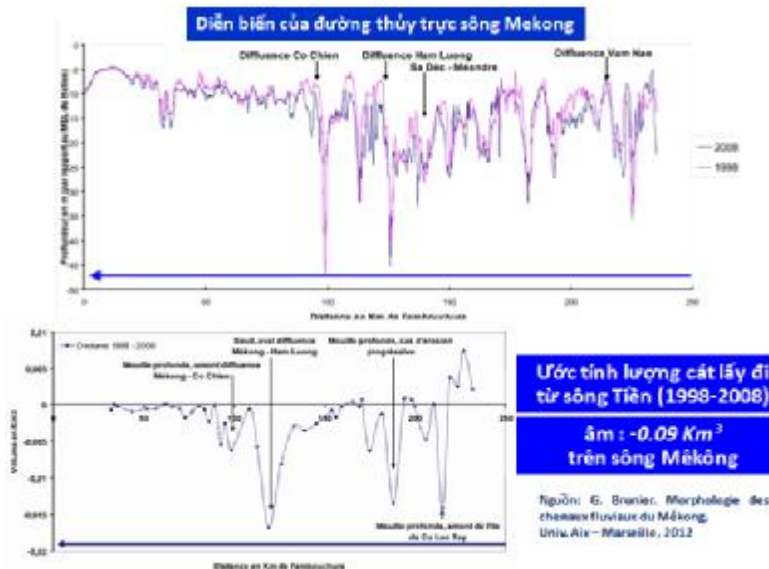
Chuỗi giá trị các mặt hàng nông sản bị đứt đoạn, thiếu thương hiệu có uy tín trên thương trường quốc tế, ngay cả mặt hàng chủ lực là gạo!

Thách thức tại địa bàn còn từ quản lý nhà nước (quản lý không tốt việc khai thác tài nguyên, chậm chuyển đổi mô hình phát triển), nhiều chông chéo nhưng thiếu liên kết và phối hợp, thiếu một cơ chế phát triển vùng để tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả đồng bằng; là chậm nhận thức về những đổi thay tác động lên đồng bằng trong khi tiến hành tái cơ cấu nông nghiệp!

Đồng bằng đóng góp nhiều, nhưng nhận lại ít (ngân sách nhà nước, ODA, FDI), cơ giới hóa và hạ tầng cơ sở chưa tương xứng với tiềm năng của nó. Tại đây vẫn là vùng trũng về giáo dục, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực thấp.



Khai thác cát, sỏi và cuội trong hạ lưu vực



II. VỀ QUYẾT ĐỊNH 593/QĐ-TTG VÀ QUY CHẾ THÍ ĐIỂM LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐBSCL GIAI ĐOẠN (2016 – 2020)

Đây là lần đầu tiên, sau hơn hai mươi năm với rất nhiều hội thảo, hội nghị, bài báo, và cả chất vấn tại hội trường Quốc hội, có một văn bản pháp quy về liên kết phát triển vùng, cho dù ở mức thí điểm.

Liệu Quy chế thí điểm này có đưa đến những kết quả tích cực, đặc biệt về cơ chế chính sách, mở đường cho sự phát triển nhanh và bền vững vùng ĐBSCL hay không? Tìm hiểu và phân tích Quy chế do vậy là cần thiết.

Theo Điều 2 của Quy chế, Mục đích của liên kết là:

“Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của ĐBSCL và của từng địa phương trong Vùng, nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững; trọng tâm là phát triển nông nghiệp, sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản với quy mô lớn theo chuỗi giá trị; tăng cường năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế; nâng cao sinh kế, tạo việc làm mới, tăng thu nhập, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.”

Quy chế sẽ hiện thực hơn nếu mục đích được đặt trong bối cảnh các thách thức mà ĐBSCL phải đối diện. Điều này không nhận thấy trong Điều 2.

Khai thác tối đa tiềm năng (...) nhưng phải tính đến “bền vững”, phải tính đến những gì để lại cho các thế hệ mai sau về tài nguyên và môi trường.

Kinh nghiệm trên thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, phát triển *nhANH và bền vững* thường không song hành cùng chiều, và đòi hỏi cao ở năng lực quản lý đất nước.

Nghiên cứu 19 điều của Quy chế, bản khoản thứ nhất của chúng tôi là *thí điểm đổi mới cơ chế quản lý* có là một nội dung của Quy chế hay không? bởi lẽ quản lý nhà nước đang là một thách thức tại địa bàn.

Điều 3 quy định:

Tại Khoản 1: *“Các địa phương tham gia (...) bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện thí điểm liên kết vùng;*

Tại Khoản 2: *Bảo đảm thực hiện có hiệu quả các quy hoạch (...) của từng địa phương sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Và tại Điều 7, khoản 4: *“Kinh phí sự nghiệp để triển khai các hoạt động thí điểm liên kết thực hiện theo quy định hiện hành”.*

Dường như không gian cho đổi mới thí điểm cơ chế quản lý nhà nước khó tìm thấy trong Quy chế.

Bản khoản thứ hai là “ai” sẽ thực hiện các hoạt động liên kết? Tại Điều 6, trong 4 khoản, 10 nội dung đều không có chủ từ!

“Ai” sẽ điều phối việc thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL? Tại 11 Điều của Chương III, nổi lên 4 điểm mới là:

(1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ thực hiện thí điểm liên kết chung toàn vùng;

(2) Việc tham gia của Vùng là thông qua Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ tại Điều 17: (a) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện thí điểm liên kết Vùng *thuộc phạm vi chức năng được phân công*; (b) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (...) kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên kết trên địa bàn; (c) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá sơ kết, tổng kết Quy chế thí điểm liên kết Vùng.

(3) Vai trò của các địa phương trong việc tham gia điều phối liên kết Vùng gần như không có gì thay đổi so với hiện nay.

(4) Sự tham gia của cộng đồng dân cư, của các doanh nghiệp và của các nhà khoa học vào việc liên kết phát triển Vùng không tìm thấy trong Quy chế.

Bản khoản thứ tư là Quy chế chỉ quy định về *nguồn vốn thực hiện các chương trình dự án thí điểm liên kết* (tại Điều 7) chứ không thí điểm tạo dựng *nguồn vốn cho liên kết phát triển KT-XH Vùng*.

Nhìn chung, từ những nhận xét trên đây, Quy chế thí điểm liên kết theo chúng tôi không nhằm tháo gỡ các cơ chế chính sách đang kìm hãm sự phát triển vùng, cho ĐBSCL nói riêng, và cho các vùng khác trong cả nước nói chung.

Ngày 19.07.2016, Tỉnh ủy Đồng Tháp đã có công văn gửi TTCP về chủ trương lập đề án "**Liên kết phát triển bền vững tiểu vùng ĐTM**".

Ngày 01.08.2016, CV 6345/VPCP – V.III thông báo ý kiến của TTCP :

Đồng ý về chủ trương xây dựng Đề án "Liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng Đồng Tháp Mười"; giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chủ trì, phối hợp với các tỉnh Tiền Giang, Long An và các cơ quan liên quan chủ động xây dựng Đề án gắn với việc triển khai Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020; lấy ý kiến các Bộ, cơ quan, các nhà khoa học và tổng hợp theo quy định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2016.

Việc gắn đề án liên kết phát triển tiểu vùng Đồng Tháp Mười với Quy chế thí điểm cho thấy *việc phân tích QĐ 593 trên đây là có ích và đúng lúc*.

III. NHỮNG YẾU TỐ CẢN ĐỀ LIÊN KẾT THÀNH CÔNG

Các từ liên kết, phối hợp đã được nói đến nhiều. Trong phần này, chúng tôi đề cập đến những yếu tố cản đề liên kết giữa các tỉnh, trong một vùng thành công⁵.

III.1. Một số nguyên tắc cơ bản trong liên kết

⁵ Trong Phần này có tham khảo tài liệu "Phối hợp liên tỉnh trong phát triển vùng ở Việt Nam", do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, JICA thực hiện năm 2014

1. Liên kết phải xuất phát từ yêu cầu;
2. Liên kết vùng phải tạo ra giá trị gia tăng và các bên tham gia cùng có lợi;
3. Giải pháp của Liên kết phải phù hợp với quy luật tự nhiên, kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường tại địa bàn;
4. Liên kết phải được thực hiện từ cơ sở lên, nơi sâu sát với sự biến đổi của môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội; nơi diễn ra các mâu thuẫn cần giải quyết.
5. Liên kết phải thu hút được sự tham gia của cộng đồng dân cư, của các nhà khoa học, của các doanh nghiệp theo tinh thần đối tác công tư (PPP)

Đối với ĐBSCL và Đồng Tháp Mười, để phát triển bền vững, các bên liên kết phải có “phản xạ” nghĩ đến ứng phó với thách thức kép của BĐKH, NBD và sử dụng nguồn nước trên thượng nguồn, đến bảo vệ môi trường, và nâng cao cuộc sống của người dân.

III.2. Phối hợp là yếu tố cơ sở của liên kết

Sự liên kết giữa các địa phương chỉ tốt nếu có sự phối hợp giữa các bên để tránh sự vênh nhau trong quy hoạch, bảo đảm cho các tài nguyên được khai thác đúng quy luật, các khe hở trong chính sách, trong tranh mua tranh bán dẫn đến các bên “cùng thua”.

Những phối hợp cần thiết là:

1. Phối hợp trong việc lập và phê duyệt các quy hoạch tổng thể, các quy hoạch ngành và địa phương, đặc biệt trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng;
2. Phối hợp trong việc khai thác và chia sẻ các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường.
3. Phối hợp trong việc ban hành các chính sách thu hút đầu tư;
4. Phối hợp trong phát triển nguồn nhân lực;
5. Phối hợp trong các chính sách về an sinh xã hội, và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân;

Sự liên kết và phối hợp là cần thiết ở *tất cả các cấp*, từ cấp cơ sở là giữa các nông hộ đến các ấp, các xã, huyện, tỉnh, ... Sự mâu thuẫn nhau giữa hai hộ nông dân liền kề nhau, một bên trồng lúa, một bên nuôi tôm cho thấy sự cần thiết phải phối hợp từ cấp cơ sở. Chính vì vậy mà chúng tôi đã nói “*liên kết phải được thực hiện từ cơ sở lên*”.

Những nhân tố dưới đây thúc đẩy sự phối hợp:

- (1) Lợi ích của những người bị ảnh hưởng và của các bên liên quan chính được cân nhắc và đảm bảo trong các giải pháp;

- (2) Sự tham gia thỏa đáng của các bên liên quan khi giải quyết các mâu thuẫn, khi xây dựng các dự án phát triển, chiến lược hành động;
- (3) Bộ phận điều phối sự liên kết có *năng lực thích hợp, cơ chế tốt và công cụ mạnh* để triển khai các chính sách;
- (4) *Công tác theo dõi, đánh giá* được tiến hành khách quan và có hiệu lực.

IV. MỘT ĐỀ XUẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT TIÊU VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI

Nhằm phục vụ sự phát triển bền vững Đồng Tháp Mười, chúng tôi đề xuất ở mức độ phác thảo, 7 *chương trình mục tiêu tiêu vùng* sau đây, vừa *cấp bách* vừa mang tính *thí điểm* cho sự liên kết phát triển tiêu vùng.

(1) **Chương trình lúa gạo** (diện tích ăn chắc, sản xuất sạch, tiết kiệm nước, ít phát thải khí nhà kính, theo chuỗi giá trị, giá trị xuất khẩu cao, có thương hiệu).

(Trả lại một phần diện tích cho rừng tràm. Có quan hệ với các Chương trình 4, 3 và 2. Đã có tiền đề với những cánh đồng mẫu lớn và các công ty thuộc Tập đoàn Lộc Trời ở Tân Hồng và Vĩnh Hưng, Công ty CKNN Bùi Văn Ngo, các ứng dụng CN cao trong liên kết chuỗi giá trị hàng nông sản của tập đoàn Mỹ Lan, ...)

(2) **Chương trình trái cây đặc sản** (sạch, giá trị xuất khẩu cao, CD địa lý).

(Đã có tiền đề với nhiều loại trái cây đã có chỉ dẫn địa lý, chứng chỉ VietGap, ... và đã xuất khẩu sang nhiều nước.)

(3) **Chương trình thủy sản sạch** (cá tra, cá đen, tôm càng xanh, ...)

(4) **Chương trình trồng lại rừng tràm, trữ nước ngọt và khôi phục chuỗi dinh dưỡng đa dạng** vốn có, **kết hợp phát triển du lịch sinh thái**.

(Đã có tiền đề với Vườn Quốc gia Tràm Chim (Tam Nông, ĐT), Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng (Cao Lãnh, ĐT), Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen (Tân Hưng, LA), Trung tâm bảo tồn và phát triển dược liệu ĐTM (Mộc Hóa, LA), Khu bảo tồn sinh thái ĐTM (Tân Phước, TG).

Địa hình ĐTM còn rất nhiều chỗ trũng, trước đây là rừng tràm, đã bị chặt nước để tăng vụ canh tác lúa, vì thiếu chính sách khai thác, bảo tồn và phát triển thích hợp. Xem hình ở cuối bài tham luận.

(5) **Chương trình nước sạch** cho tiêu dùng, **nước đáp ứng quy chuẩn** trong các kênh trong Tiêu vùng nhất là trong mùa khô.

ĐTM là một đồng lũ kín. Nước từ sông Tiền vào mất nhiều ngày để ra khỏi ĐTM nếu không dừng lại trong các vùng trũng. Do ảnh hưởng của triều, nước chảy tới, chảy lui trên các kênh rạch. Vào mùa khô, nước trong kênh rất bẩn, nước dùng từ đó và nước thải cũng vào đó, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe người dân.

(6) **Chương trình cơ sở hạ tầng thủy lợi, giao thông thủy, bộ** tiếp nối thực hiện Quyết định số 99/TTg ngày 9/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thủy lợi, giao thông và xây dựng nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới. Liên quan đến 5 chương trình trên.

(7) *Chương trình giải quyết vùng trũng về giáo dục và đào tạo nghề* cho tiểu vùng. Ngoài việc giải quyết “vùng trũng”, Chương trình có một tham vọng tiến tới đào tạo nông dân, xã viên các HTX có kiến thức về kỹ thuật nông nghiệp, về môi trường, về quản lý tài chính và về quản trị kinh doanh bởi lẽ một nông hộ cũng là một doanh nghiệp nhỏ.

V. SUY NGHĨ VÀ TẠM KẾT

(a) Sáu chương trình mục tiêu từ 1 đến 6 có chung “trục” là yếu tố *nước* đang chịu nhiều tác động tiêu cực về lượng và về chất trong tiểu vùng. Vì vậy sự phối hợp, trao đổi giữa các ban chủ nhiệm chương trình về nội dung là cần thiết.

(b) Vì là những *chương trình mục tiêu*, cho nên *cần xác định rõ mục tiêu, định lượng kết quả* của từng chương trình trong chừng mực có thể, và ước tính *thời gian thực hiện*.

(c) Đặt vấn đề cho đúng, xây dựng nội dung chặt chẽ, chọn ban chủ nhiệm chương trình am tường về chuyên môn, am hiểu địa bàn, có tầm nhìn hệ thống là những công việc quyết định sự thành công của các chương trình.

Nhắc lại, khi xây dựng các chương trình phải luôn nghĩ đến các *thách thức tác động đến tiểu vùng, nhất là đối với nước, phù sa, thủy sản và đa dạng sinh học*.

(d) Tốt nhất là có được chuỗi giá trị ngành hàng nông sản *liên tục* với *công nghệ cao*. Nếu không được thì một chuỗi giá trị *liên tục* với *công nghệ chưa cao* thường vẫn hiệu quả hơn là ứng dụng *công nghệ cao* trong một chuỗi giá trị *bị đứt đoạn*.

(đ) Các chương trình cần tiến hành với phương châm “*Gắn với địa bàn, được nghiệm thu tại địa bàn, và phục vụ ngay địa bàn*” khi kết luận đã rõ. Đây là lời dặn dò sâu sắc của Cố Thủ tướng Võ văn Kiệt đối với Chương trình 60-B.

(e) Quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình cần có *sự tham gia* của *cộng đồng dân cư*, của *các doanh nghiệp* và của *các nhà khoa học*.

Có ý ban đầu cho mỗi chương trình rồi, nhưng trao đổi, lắng nghe ý kiến của các nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, và hiện thực hóa sự tham gia của các “nhà” này vào việc thực hiện chương trình là cần thiết cho sự thành công của chương trình.

(g) Chúng tôi đã đề xuất 7 *chương trình mục tiêu tiểu vùng* trên đây, ở mức độ phác thảo vì chúng vừa *cấp bách* vừa mang tính *thí điểm* cho sự liên kết phát triển tiểu vùng.

Cấp bách vì phải ứng phó ngay với thách thức kép trên địa bàn và sớm ngày nào tốt ngày ấy để các tác hại không chồng chất theo thời gian.

Thí điểm vì là lần đầu tiên thử nghiệm sự phát triển liên kết một tiểu vùng.

Mô hình tổ chức để điều hành các chương trình mục tiêu, và xa hơn để điều hành sự phát triển liên kết tiểu vùng, như thế nào?

Nguồn lực cần thiết cho các chương trình mục tiêu, và xa hơn cho sự phát triển của tiểu vùng, huy động từ đâu? Tìm nguồn phải với tư duy: *tiến tới sự phát triển liên kết tiểu vùng có nguồn vốn tự duy* (tự nó nuôi nó).

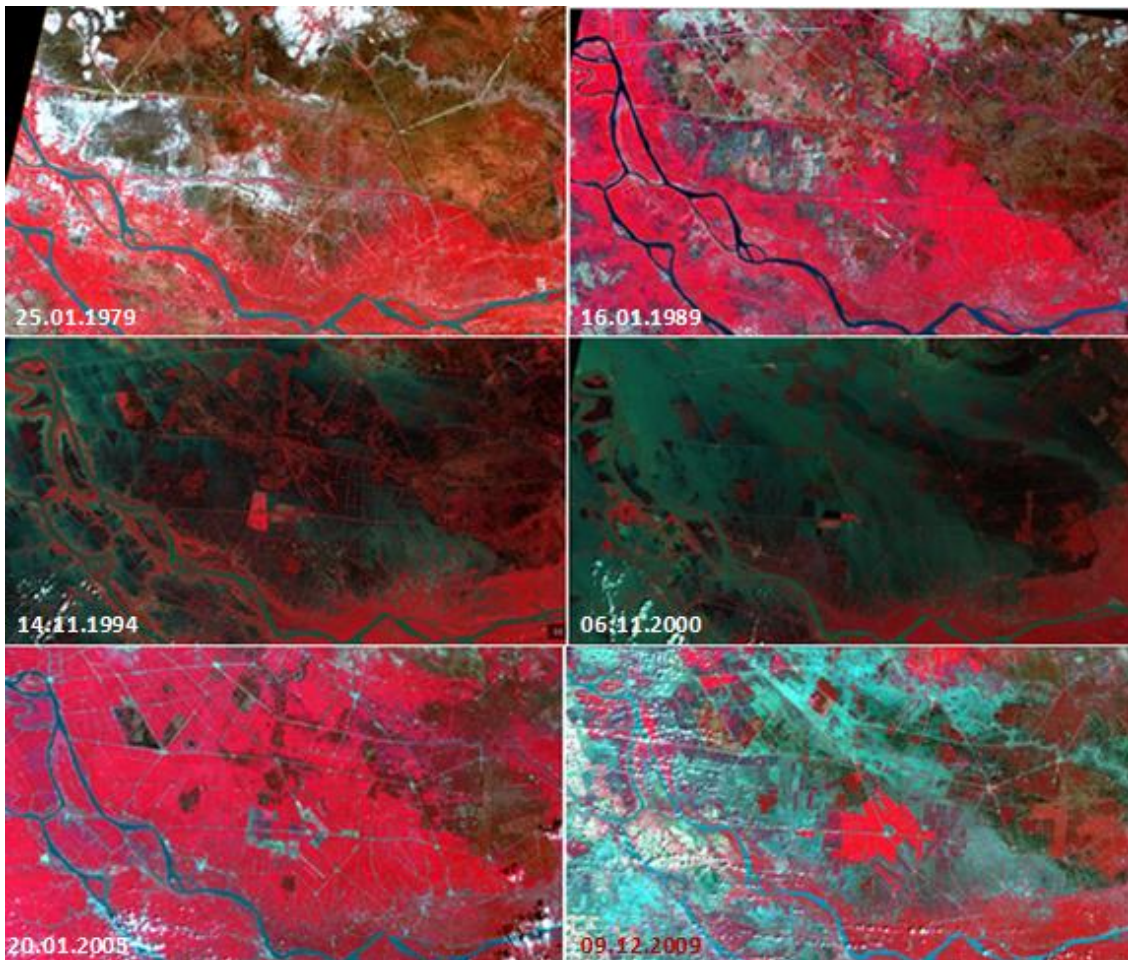
Chỉ mới xới vấn đề phát triển liên kết tiểu vùng, đã thấy nhiều *cơ chế chính sách* cần thiết được xây dựng và cần được thí điểm.

(h) Cuối cùng, thời điểm 2020 ra sao đối với 7 chương trình mục tiêu?

Mặc dù triển khai tích cực nhất, chắc sẽ không thể gói gọn hoàn thành các chương trình vào năm 2020.

Thời điểm 2020 nên xem là *một mốc sơ kết* các chương trình mục tiêu với nhiều bài học rút ra từ cách hình thành đến cách triển khai, từ những kết quả khoa học bước đầu, kể cả các kết quả về cơ chế chính sách cần được ban hành do các chương trình đề xuất, kiến nghị, đến các kết quả cụ thể đã được “*nghiệm thu trên địa bàn*” và đã được áp dụng bước đầu.

Các sơ kết này là bộ phận của sơ kết về việc *liên kết hợp tác để tiểu vùng Đồng Tháp Mười phát triển bền vững* vào năm 2020.



Diễn biến của rừng tràm trong Đồng Tháp Mười qua ảnh vệ tinh các năm 1979, 1989, 1994, 2000, 2005 và 2009